TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/DS-PT
Ngày: 02-7-2024
V/v Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Lực
Ông Đặng Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả,Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*".

Do bảndân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú bị kháng cáo.

Theo quyếtđưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:34/2024/QĐPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Lý Văn T (Lý Văn T1), sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Bà Lý Thị P, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lý Văn T2, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lý Văn T2: ông Thạch Văn T3, sinh 1988; Địa chỉ ấp L, xã L, huyện T, Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2024);

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn ông Lý Văn T2: Luật sư Phạm Minh L – Văn phòng L4 – Đoàn luật sư tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị T4,sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

2. Bà Lý Thị L1, sinh năm 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Tạm trú: Số B đường T, Khu D, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Lý Văn N, sinh năm 1987 (vắng mặt).

4. Bà Kim Thị H, sinh năm 1993 (vắng mặt).

5. Bà Lý Thị Hồng N1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Lý Thị Hồng N1: Ông Thạch Văn T3, sinh 1988; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 27/5/2024);

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Lý Thị Hồng N1: Luật sư Phạm Minh L – Văn phòng luật sư Phạm Minh L – Đoàn luật sư tỉnh T.

6. Ông Lâm Minh T5, sinh năm 1979 (vắng mặt).

7. Anh Lâm Minh N2, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn N, bà Kim Thị H, bà Lý Thị Hồng N1, ông Lâm Minh T5, anh Lâm Minh N2: Ông Lý Văn T2, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo vănủy quyền ngày 01/02/2023) (có mặt).

8. Ông Thái Quang N3, sinh năm 1980 (vắng mặt).

9. Ông Thái Quang N4, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Quang N3 và ông Thái Quang N4: Bà Lý Thị L1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số B đường T, Khu phố D, phường B, thành phốBiên Hòa, tỉnh Đồng Nai (theo văn ủy quyền ngày 02/6/2023) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Ông Trần Văn T6, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T6: Bà Lý Thị P, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo văn ủy quyền ngày 29/5/2023 (có mặt).

11. Tập Đoànnghiệp – Viễn ThôngĐội;chỉ trụ sở chính: Lô D26 Khu đô thị mới Cầu G, phườngHòa, quậnGiấy, thànhphố Hà Nội.

*Người đại diện của Tập Đ – Viễn ThôngĐội:*Nguyễn Ngọc H1, Giám đốc V - Chi nhánh T9 - Viễn ThôngĐội;chỉ: số A đường N, khóm F, phường7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người kháng cáo*: ông Lý Văn T2 là bị đơn, bà Lý Thị Mộng N5 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơnkiện ngày 29/10/2021, đơnkiện bổ sung ngày 02/02/2023 và lời khai trong quá trình nguyên đơn ông Lý Văn T trình bày: cụ Lý X (L) chết 17/4/2021 và cụ Diệp Thị L2 (chết vào ngày 23/3/2001), có 04 người con tên ông Lý Văn T2, ông Lý Văn T (Lý Văn T1), bà Lý Thị P và bà Lý Thị L1. Hai cụ chết không có để lại di chúc. Khi hai cụ còn sống có chia cho mỗi người con một số đất quy ra bằng tiền để làm vốn còn lại 02 thửa đất chưa chia gồm: Thửa số 556, diện tích 2.180m^2 (Đất ở 76m^2 và đất cây lâu năm 2.104m^2) và thửa số 558, diện tích 990m^2 (Đất ở 69m^2 và đất cây lâu năm 921m^2), cùng tờđồ số 10, cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Tại thửa đất số 556 khi vợ chồng ông T2 ra riêng cha, mẹ có cho cất nhà ra ở riêng tại vị trí bà N5 cất nhà ở hiện nay, sau đó thì vợ chồng ông T2 đi làm ăn ở Campuchia đến năm 1997 thì về sống chung với cha, mẹ có dỡ nhà cũ cất lại nhà mới vào năm 1998 ở chăm sóc cha, mẹ đến khi chết. Ngoài ra, cha, mẹ còn cho bà L1 cất nhà ở tại phần đất hiện nay và bà P cất tiệm tóc, phần đất còn lại từ khi cha, mẹ chết do ông T2 quản lý, sử dụng.

Nay ông T1 bà P yêu cầu chia thừa kế hai thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

Theo đoncầu phản tố ngày 26/12/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lý Văn T2 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông Lý Văn T, bà Lý Thị P về cha, mẹ và hàng thừa kế. Nguồn gốc thửa đất số 556 và 558 là tài sản chung của ông X, bà L2. Khi cha, mẹ còn sống có chia cho mỗi người con một số đất quy ra bằng tiền để làm vốn và đã phân chia thửa số 556 cho ông và thửa số 558 cho bà P với ông T quản lý, sử dụng từ năm 1997 cho đến nay. Do bà P đến gặp ông để xin thêm phần đất cất sau nhà vệ sinh phía sau tiệm hớt tóc nhưng ông không đồng ý mới phát sinh tranh chấp chia thừa kế. Tại thửa đất số 556 khi ông lập gia đình cha, mẹ có cho ra ở riêng cất nhà tại phần đất con của ông là bà N5 đang ở hiện nay, sau đó vợ chồng ông đi Campuchia làm ăn đến năm 1997 ông trở về sống chung với cha, mẹ và được cha mẹ cho phần đất ông đang quản lý, sử dụng hiện nay thuộc thửa số 556. Sau khi ông được cho đất thì ông tiến hành dỡ bỏ nhà cũ của cha, mẹ để cất lại nhà mới vào năm 1998 ở và chăm sóc cha, mẹ cho đến khi chết nhưng chưa làm thủ tục sang tên vì ông cứ nghỉ đất cha, mẹ đã cho ông thì của ông nên giấynhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên LýXuône.

Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông yêu cầu công nhận cho ông được quyền quản lý, sử dụng phần A, phần B, phần K, phần H thuộc thửa số 556 và tài sản gắn liền với đất. Ông đồng ý công nhận phần C diện tích 206m^2, thuộc thửa số 556 cho bà L1 được quyền quản lý, sử dụng và tài sản gắn liền với đất. Ông đồng ý công nhận diện tích 443m^2, thuộc thửa số 558 và tài sản trên đất cho bà P được quản lý, sử dụng. Ông đồng ý công nhận phần A diện tích 315,7m^2, thuộc thửa số 558 và tài sản trên đất cho ông T được quyền quản lý, sử dụng.

Theo đoncầu độc lập ngày 06/6/2023 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Hồng N1 trình bày: Phần đất thuộc phần D diện tích 242,3m^2, thuộc thửa số 556 hiện nay bà N1 đang sử dụng được ông T2 cho cất nhà để ở từ năm 2002 cho đến nay nên chị N1 yêu cầu công nhận cho được quản lý, sử dụng phần D diện tích 242,3m^2, thuộc thửa số 556 và tài sản gắn liền với đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị L1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lý Văn T, bà Lý Thị P về cha, mẹ và hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ X và cụ L3. Nay, bà yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 556 làm 05 phần bằng nhau cho ông T2 được hưởng 02 phần do ông T2 có công sức nuôi dưỡng cha, mẹ và gìn giữ tài sản; 03 phần còn lại cho bà, ông T, bà P mỗi người được hưởng 01 phần thừa kế. Bà yêu cầu chia cho bà hưởng 01 phần thừa kế theo pháp luật bằng hiện vật đối với phần đất thuộc phần C diện tích 206m^2, thuộc thửa số 556 và hoàn giá trị nếu bà được hưởng hiện vật nhiều hơn phần bà được chia và ngược lại.

Ông Nguyễn Ngọc H1 là đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tập Đoànnghiệp – Viễn ThôngĐộibày: V có ký hợp đồng số: 48/HĐTVT-TVH/2015 ngày 09/12/20215 với ông Lý X thời hạn cho thuê là 05 năm từ ngày 09/12/2015 đến ngày 09/12/2020 với giá thuê là 1.500.000 đồng/tháng, thanh toán định kỳ 01 năm 01 lần vào 15 ngày đầu tiên của mỗi kỳ thanh toán. Sau khi gần hết hạn hợp đồng thì V có yêu cầu gia hạn hợp đồng tiếp tục thuê mặt bằng. Ngày 28/11/2020 V với ông Lý Văn T2 và ông Lý X ký kết phụ lục gia hạn hợp đồng số: 0481/TVH/GHHĐ/01 gia hạn thời hạn thuê mặt bằng từ ngày 09/12/2020 đến ngày 09/12/2025 tiền thuê như ký kết hợp đồng trước đây và chi trả tiền vào tài khoản của ông T2. Ngoài ra, ông Lý X có lập tờủy quyền ngày 04/01/2016 ủy quyền cho ông T2 toàn quyền ký hợp đồng với V giao cho V cất giữ. V không biết gì về việc tranh chấp của các bên và không biết việc ông Lý Xuône t cho ông T2 thửa đất số 556. V không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T7 bày: Bà là vợ của ông T2 thống nhất với lời trình và yêu của ông T2.

Tại bảnán dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 31/8 /2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị P và ông Lý Văn T yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 556, diện tích 2.180m^2 (diện tích thực đo chia thừa kế là 1.688,6m^2) và thửa đất số 558, diện tích 990m^2 (diện tích thực đo chia thừa kế là 758,7m^2), cùng tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Chia cho ông Lý Văn T2 được quyền quản lý, sử dụng đất tổng diện tích thực đo 1.217m^2 (Đất ở diện tích 76m^2 và đất cây lâu năm diện tích 1.141m^2), thuộc thửa số 556, tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất.

3.Chia cho bà Lý Thị L1 được quyền quản lý, sử dụng phần C diện tích 206m^2, loại đất cây lâu năm, thuộc thửa số 556, tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất.

4. Chia cho bà Lý Thị P được quyền quản lý, sử dụng phần E diện tích 23,3m^2, loại đất cây lâu năm, thuộc thửa số 556, diện443m^2 (Đất ở diện tích 69m^2 và đất cây lâu năm diện tích 374m^2), thuộc thửa số 558, tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất.

5. Công nhận cho bà Lý Thị Hồng N1 được quyền quản lý, sử dụng phần D diện tích 242,3m^2, loại đất cây lâu năm, thuộc thửa số 556, tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất.

6. Chia cho ông Lý Văn T phần A diện tích 315,7m^2, loại đất cây lâu năm, thuộc thửa số 558, loại đất cây lâu năm, tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất.

7. Ông T2 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị quyền sử dụng là 196.615.950 đồng *(Một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm mười lăm nghìn chín trăm năm mươi đồng)*, bà N1 phải hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất là 101.766.000 đồng *(Một trăm linh một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) cho bà P, bà L1, ôngTổng công 298.381.950 đ ; trong này* bà Lý Thị P được nhận 83.479.650 đồng *(Tám mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi đồng)*, ông Lý Văn T được nhận 123.876.650 đồng *(Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng)* và bà Lý Thị L1 được nhận 91.025.650 đồng *(Chín mươi mốt triệu không trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng)*.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lý Văn T2 yêu cầu công nhận phần A diện tích 71,2m^2; phần B diện tích 369,5m^2; phần K diện tích 415,8m^2; phần H diện tích 360,5m^2, thuộc thửa số 556, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lý Thị Hồng N1 yêu cầu công nhận phần D diện tích 242,3m^2, thuộc thửa số 556, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự làm đường đi chung cho bà Lý Thị P, ông Lý Văn T, ông Lý Văn T2, bà Lý Thị L1 và bà Lý Thị Hồng N1 đối với phần diện tích đất gồm:

- Phần J diện tích 118,6m^2, thuộc thửa số 556, Phầndiện tích 12,3m^2, thuộc thửa số 556, loại đất cây lâu năm, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, Phầndiện tích 4,8m^2, Phầndiện tích 72,8m^2, Phầndiện tích 15m^2, thuộc thửa số 558, loại đất cây lâu năm, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Phần E diện tích 12,5m^2, thuộc thửa số 558, loại đất cây lâu năm, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

(Theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số 1282A/CNHTrC ngày 30/8/2023 của Văn phòng Đ1 chi nhánh huyện T)

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/9/2023 ông Lý Văn T2 kháng cáo không chấp nhận chia thừa kế thửa đất 556 diện tích 1.688,6m^2 yêu cầu chấp nhận đơn phản tố công nhận diện tích 1.217 m^2 thuộc thửa 556 cho ông, ông không phải toángiá trị đất cho ông Lý Văn T, bà Lý Thị P, bà Lý Thị L1.

Bà Lý Thị Hồng N1 kháng cáo yêu cầu công nhận diện tích 242,3m^2 thuộc thửa số 556 cho bà, không phải thanh toán giá trị đất cho ông Lý Văn T, bà Lý Thị P, bà Lý Thị L1.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các đương sự không bổ sung, cung cấp chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông T2 và bà N1: Thửa đất 556 ông T2 đã được cha mẹ cho , thửa 558 ông X bà L2 cũng cho ông T1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông X cũng giao cho ông T2 và ông T1 xong, những người làm chứng cùng các định có việc ông X1 cho đất ông T2. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T2 và bà N1 sửa bảnán sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tốtụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Thửa 556 diện tích 2.180m^2 (thực đo 1.688,6m^2), thửa 558 diện tích 990m^2 (thực đo 758,7m^2) cùng TBĐ số 10 toạ lạc ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh do UBND huyện T cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Lý X có nguồn gốc là tài sản chung của ông Lý X và bà Diệp Thị L2. Ông Lý X, bà Diệp Thị L2 chết không có để lại di chúc nên 02 thửa đất 556 và 558 là di sản được chia theo pháp luật theo Điều 649, 650 va 651 BLDS năm 2015.

Đối với thửa đất 556 ông Lý Văn T2 cho rằng thửa 556 khi cha mẹ còn sống đã cho ông nhưng ông không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Đối với thửa 558 hiện trạng đất bỏ trống không ai quản lý, sử dụng nên việc ông T2, ông T, bà P cho rằng được cha mẹ chia cho lúc còn sống là không có căn cứ. Do ông T2 chưa được quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa 556 nên ông T2 cũng không có quyền tặng cho một phần diện tích đất 242,3m^2 thửa 556 cho bà Lý Thị Hồng N1 (con ông T2). Cũng như việc bà Lý Thị Hồng N1 cho rằng ông T2 đã tặng cho bà diện tích 242,3m^2 thuộc một phần của thửa 556 là không có căn cứ.

Đối với diện tích 242,3m^2 thuộc một phần thửa 556 bà Lý Thị Hồng N1 đã cất nhà ở ổn định từ năm 2002 đến nay và các đồng thừa kế cũng đồng ý công nhận phần diện tích đất này cho N1 tiếp tục quản lý, sử dụng nhưng bà N1 phải hoàn lại giá trị sử dụng cho các đồng thừa kế.

Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất còn lại của thửa 556 và 558 được chia theo pháp luật như sau: Đối với thửa 556 diện tích 1.688,6m2 được chia làm 05 suất bằng nhau mỗi suất 143.058.400 đồng. Do ông T2 có công

sức gìn giữ di sản và chăm sóc cha mẹ nên ông được hưởng 02 suất thừa kế. Đối với thửa 558 diện tích 758,7m^2 được chia làm 04 suất bằng nhau mỗi suất 34.487.250 đồng. Ai nhận hiện vật nhiều hơn thì có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác. Từ các phân tích trên, Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị P, ông Lý Văn T yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa 556 diện tích 1.688,6m^2 và thửa 558 diện tích 758,7m^2; Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lý Văn T2 yêu cầu công nhận diện tích 1.217m^2 thửa 556; Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lý Thị Hồng N1 yêu cầu công nhận diện tích 242,3m^2 thuộc thửa 556 là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông Lý Văn T2, bà Lý Thị Hồng N1 là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của TAND huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Về án phí ông Lý Văn T2, bà Lý Thị Hồng N1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và kiểmsát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Lý Văn T2 yêu cầu công nhận diện tích 1.217m^2 thuộc thửa 556 cho ông, ông không phải thanh toán giá trị đất cho ông Lý Văn T, bà Lý Thị P, bà Lý Thị L1.

Thửa đất số 556, 558 có nguồn gốc của ông Lý X, bà Diệp Thị L2 tạo lập được các đương sự thừa nhận nên đây không phải là tình tiết chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tốdân sự. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý X và bà Diệp Thị Line làLý Văn T8, ông Lý Văn T, bà Lý Thị P và bà Lý Thị L1. Ông Lý Văn T2 cho rằng thửa đất số 556 khi cha, mẹ còn sống đã cho ông nhưng ông không đưa ra được giấy tờ chứng cứ chứng minh được lúc còn sống ông X, bà L2 đã cho ông thửa đất số 556. Các thừa kế của ông X và bà L2 là bà P, ông T và bà L1 không thừa nhận có sự việc cho đất này. Các lời khai nhân chứng bên ông T2 đưa ra chỉ nghe nói lại không trực tiếp thấy. Mặt khác, đất đai là tài sản đặc biệt khi chuyển quyền sử dụng đất phải đăng ký với cơ quan quản lý đất đai mới có giá trị pháp lý. Bên cạnh đó khi ông X còn sống ông là người đứng tên trong hợp đồng cho CôngVietel thuê đất là ăngten viễn thông. Từ đó có cơ sở xác định thửa đất 556, 558 là di sản thừa kế của ông Lý X và bà Diệp Thị L2, ông X và bà L2 chết không để lại di chúc nên được chia theo quy định của pháp luật. Khi phân chia di sản do diện tích đất mặt tiền đường không còn nên Tòa án cấp sơ thẩm chia theo hiện trạng sử dụng của các đương sự, bên nhận đất có giá trị cao phải thanh toán cho bên nhận đất có giá trị thấp. Khi chia cấp sơ thẩm có xem xét công sức cải tạo

giữ gìn đất cho ông T2 tương đương một suất thừa kế là hợp tình hợp lý. Nên việckháng cáo của ông T2 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bà Lý Thị Hồng N1 kháng cáo yêu cầu công nhận diện tích 242,3m^2 thuộc thửa số 556 cho bà, không phải thanh toán giá trị đất cho ông Lý Văn T, bà Lý Thị P, bà Lý Thị L1. Phần đất bà N1 sử dụng cất nhà ở là di sản của cụ X và cụ L2, năm 2020 bà N1 cất nhà ở không được sự đồng ý tặng cho của các thừa kế của cụ X, nhà bà N1 ở ổn định nên Tòa án cấp sơ thẩm giao diện tích đất bà đang sử dụng cho bà tiếp tục sử dụng và phải thanh toán giá trị đất lại cho các thừa kế là đúng pháp luật nên yêu cầu kháng cáo của bà N1 không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông T2 và bà N1 Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét nhưng không có cơ sở để chấp nhận. Ý kiến của kiểmsát viên phù hợp các tình tiết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bảnán sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của ông T2 và bà N1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tốtụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 649, Điều 650 Điều 651, Điều 660 Bộ luật dânsự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Văn T2 và bà Lý Thị Hồng N1.

Giữ nguyên bảndân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Chia cho ông Lý Văn T2 được quyền quản lý, sử dụng đất tổng diện tích thực đo 1.217m^2 (Đất ở diện tích 76m^2 và đất cây lâu năm diện tích 1.141m^2), thuộc thửa số 556, tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất.

2. Giao cho bà Lý Thị Hồng N1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 242,3m^2, loại đất cây lâu năm, thuộc thửa số 556, tờ bản đồ số 10, cùng tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với đất.

3. Ông Lý Văn T2 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất là 196.615.950 đồng *(Một trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm mười lăm nghìn chín*

trăm năm mươi đồng) chịThị Hồng N1 phải hoàn lại giá trị quyền sử dụng đất là 101.766.000 đồng *(Một trăm linh một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)* cho bà P, bà L1, ông T. Tổng cộng 298.381.950 đồng.

Trong này, bà Lý Thị P được nhận 83.479.650 đồng *(Tám mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi đồng)*, ông Lý Văn T được nhận 123.876.650 đồng *(Một trăm hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng)* và bà Lý Thị L1 được nhận 91.025.650 đồng *(Chín mươi mốt triệu không trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng).*

Về án phí phúc thẩm: ông Lý Văn T2 và bà Lý Thị Hồng N1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông T2, bà N1 mỗi người đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00 18323, 0018321 ngày 14/9/2023, của C cụcThi hành án dân sự huyện T nên cấn trừ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dânsự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung